

CHÍNH PHỦ
Số: 04/CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 16 tháng 1 năm 1995

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

Ban hành quy chế bảo công trình quốc phòng và khu quân sự

CHÍNH PHỦ

Căn cứ vào Luật tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự ngày 19 tháng 5 năm 1994;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị định này Quy chế bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

Điều 2. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

QUY CHẾ BẢO VỆ CÔNG TRÌNH QUỐC PHÒNG VÀ KHU QUÂN SỰ

(Ban hành kèm theo Nghị định số 04/CP ngày 16 tháng 1 năm 1995 của Chính phủ)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Công trình quốc phòng và khu quân sự trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được đăng ký, phân loại, xác định địa giới và thống nhất quản lý của Chính phủ.

Điều 2. Căn cứ vào tính chất, mục đích sử dụng, công trình quốc phòng và khu quân sự được phân ra bốn loại:

1. Loại 1: Các công trình quốc phòng và khu quân sự đặc biệt quan trọng thể hiện nhiệm vụ chiến lược quốc phòng hoặc có tính chất quyết định trong việc bảo vệ và phát huy hiệu quả cao trong chiến đấu.
2. Loại 2: Các công trình quốc phòng và khu quân sự quan trọng để phòng thủ biên giới, vùng trời, vùng biển, hải đảo.
3. Loại 3: Các công trình quốc phòng và khu quân sự phục vụ nhiệm vụ tác chiến, huấn luyện, diễn tập, thí nghiệm, nghiên cứu khoa học của các đơn vị lực lượng vũ trang.
4. Loại 4: Các công trình thuộc lĩnh vực quốc phòng nhưng mang tính chất phổ thông; các công trình phục vụ cho việc sơ tán, phòng tránh; các thành cổ, pháo đài cổ, hầm, hào, lô cốt cũ hiện thời chưa sử dụng nhưng vẫn được quản lý, bảo vệ để đưa vào sử dụng khi có nhu cầu.

Điều 3. Khu vực cấm, khu vực bảo vệ và vành đai an toàn được xác định căn cứ vào tính chất, mục đích sử dụng của từng công trình quốc phòng và khu quân sự.

Khu vực cấm được xác định bằng tường, hàng rào, hào ngăn cách, cột mốc hoặc các ký hiệu, tín hiệu riêng. Chỉ những người có trách nhiệm mới được vào khu vực cấm. Khu vực cấm được tổ chức tuần tra canh gác thường xuyên và là nơi cấm quay phim, chụp ảnh.

Khu vực bảo vệ được xác định bằng cột mốc, biển báo hoặc các ký hiệu, tín hiệu riêng. Việc ra vào, đi lại, quay phim chụp ảnh ở khu vực bảo vệ do cấp quản lý công trình cho phép.

Vành đai an toàn được xác định bằng văn bản giữa Ủy ban nhân dân cấp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân quản lý công trình quốc phòng và khu quân sự.

Bộ Quốc phòng lập danh mục và xác định khu vực cấm, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn cho từng loại công trình quốc phòng và khu quân sự trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Điều 4. Bộ Quốc phòng lập ngân sách quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự trong kế hoạch ngân sách quốc phòng hàng năm trình Chính phủ phê duyệt.

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lập ngân sách quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự trong kế hoạch ngân sách địa phương hàng năm trình Chính phủ phê duyệt.

CHƯƠNG II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC CẤP VÀ CÁC BỘ, NGÀNH

Điều 5. Bộ Quốc phòng giúp Chính phủ thống nhất quản lý việc bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự trong phạm vi cả nước và tiến hành xếp loại, ban hành các quy định quản lý, bảo vệ đối với từng loại.

Điều 6. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân quản lý công trình quốc phòng và khu quân sự xác định địa giới tại thực địa, bản đồ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan quân sự địa phương có trách nhiệm tổ chức quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự được giao; phối hợp với các đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự trên địa bàn của mình về các mặt: an ninh, bảo vệ bí mật, phòng chống và khắc phục các sự cố do thiên tai, địch hoạ gây ra và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật.

Điều 8. Chính quyền các cấp, các đơn vị công an nhân dân và đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân quản lý công trình quốc phòng và khu quân sự cùng phối hợp quản lý khu vực, xây dựng địa bàn an toàn, xử lý các vi phạm theo thẩm quyền, hàng năm hoặc khi cần thiết phối hợp tổ chức hội nghị an ninh của cơ sở để rút kinh nghiệm về công tác bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

Điều 9. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp khi xây dựng và xét duyệt quy hoạch thành phố, khu dân cư; kế hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông, thuỷ lợi, nông nghiệp, lâm nghiệp; khai thác tài nguyên khoáng sản; kế hoạch phát triển, xây dựng khu văn hoá, du lịch có liên quan tới công trình quốc phòng và khu quân sự phải có ý kiến của cơ quan quản lý trực tiếp công trình và được cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 16 Quy chế này cho phép. Không được cấp phép xây dựng cho những công trình làm ảnh hưởng hoặc cản trở đến phương án tác chiến của khu vực phòng thủ; có chiều cao lớn hoặc quy mô rộng ảnh hưởng tới tầm, hướng quan sát, tầm hướng bắn của các loại vũ khí,

hướng vận động, tấn công của bộ đội, gần các kho chứa vũ khí, chất nổ, nhiên liệu; gây cản trở cho hạ cất cánh máy bay; làm hẹp các luồng lạch hoặc có thể gây nguy hiểm cho tàu xuồng ra vào bên cảng quân sự. Nếu tự ý xây dựng phải phá dỡ và chịu mọi phí tổn.

Trường hợp phải di chuyển, thay đổi vị trí công trình quốc phòng và khu quân sự để sử dụng vào mục đích khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định. Tổ chức, cá nhân được phép sử dụng vị trí đó phải bồi thường để đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân di chuyển và xây dựng công trình mới thay thế.

Điều 10. Bộ Quốc phòng và Bộ Nội vụ phối hợp chỉ đạo và hướng dẫn các đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân thực hiện việc quản lý, bảo vệ, xây dựng địa bàn vành đai an toàn của công trình quốc phòng và khu quân sự và bảo vệ tài nguyên khoáng sản, di tích lịch sử văn hoá, danh lam thắng cảnh nằm trong khu vực đó.

Điều 11. Đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự phải có phương án bảo vệ cụ thể và tổ chức thực hiện chế độ tuần tra, canh gác. Phải thường xuyên kiểm tra bảo quản công trình, có kế hoạch, biện pháp chống xuống cấp và hư hại; tiến hành sửa chữa, tu bổ công trình theo yêu cầu kỹ thuật, bảo dưỡng các trang, thiết bị công trình; phải xây dựng các phương án, kế hoạch phòng chống hoả hoạn, thiên tai, có đủ dụng cụ và phương tiện cứu chữa.

Lực lượng công an địa phương có trách nhiệm tham gia bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự trong địa phương.

CHƯƠNG III

TỔ CHỨC BẢO VỆ CÔNG TRÌNH QUỐC PHÒNG VÀ KHU QUÂN SỰ

Điều 12. Công trình quốc phòng và khu quân sự loại I được tổ chức lực lượng chuyên trách bảo vệ hoặc giao cho các đơn vị đóng quân trực tiếp bảo vệ.

Điều 13. Công trình quốc phòng và khu quân sự loại II, III và IV giao các đơn vị đóng quân trực tiếp tại công trình hoặc giao Ủy ban nhân dân các cấp và lực lượng vũ trang địa phương bảo vệ.

Điều 14. Công tác bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự phải bảo đảm yêu cầu bí mật vị trí, kết cấu, hình thái, tính năng, tác dụng, sức chống đỡ và độ dày lớp đất đá che chắn, hình